KT3-06367BTP8/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **ĐƯỜNG PHÈN VÀNG THIÊN NHIÊN**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 03/10/2018

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 04/10/2018 – 11/10/2018

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI**
KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Trạng thái bên ngoài/ *State*	Tk. TCVN 6961 : 2001	-	Tinh thể màu vàng nâu với nhiều kích cỡ khác nhau/ *Brownish-yellow crystals with a lot of another size*
7.2. Màu sắc/ *Color*	Tk. TCVN 6961 : 2001	-	Tinh thể màu vàng nâu/ *Brownish-yellow crystals*
7.3. Mùi vị/ *Odor & taste*	Tk. TCVN 6961 : 2001	-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi lạ/ *Sugar crystals or sugar solution in water have sweet taste, free from foreign odor*
7.4. Độ Pol ở 20 °C (°Z) *Polariziation at 20 °C*	GS1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	-	99,6
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS2/1/3/9-15 (2007) ICUMSA	-	0,14
7.6. Hàm lượng đồng, mg/kg *Copper content*	AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 083 : 2012	0,03	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 083 : 2012	0,03	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064 : 2016	0,015	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS2/1/7/9-33 (2011) ICUMSA	-	0,14
7.12. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	AOAC 2016 (991.31)	0,24	Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg *Aflatoxin content*	AOAC 2016 (991.31)		
• B1		0,24	Không phát hiện *Not detected*
• B2		0,10	Không phát hiện *Not detected*
• G1		0,24	Không phát hiện *Not detected*
• G2		0,10	Không phát hiện *Not detected*

KT3-06367BTP8/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/10/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **ĐƯỜNG PHÈN VÀNG THIÊN NHIÊN**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 03/10/2018

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 04/10/2018 – 11/10/2018

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI**
KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g *Total aerobic plate count*	ISO 4833-1:2013	-	$2,0 \times 10^1$
7.2. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.3. *E.Coli*, CFU/g	ISO16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.4. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.5. *Salmonella* spp/ 25 g	ISO 6579 -1:2017	-	Âm tính *Negative*
7.6. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g *Total yeasts & moulds*	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*

Ghi chú/*Notice*:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

QUATEST 3®